TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2026
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:1. Bà Lê Thị Tuyết Mai.

2. Ông Nguyễn Văn Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 513/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1030/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Huế C, sinh năm 2003. Căn cước công dân: 096303006732.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Cà Mau. "Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt".

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980. Căn cước công dân: 092094011434.

Địa chỉ: Số I khu vực P, phường H, thành phố Cần Thơ. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà C trình bày và yêu cầu: Bà với ông T quen biết, tìm hiểu chung sống với nhau trước, sau khi sinh con gái chung Nguyễn Lê Khánh V (Nữ), sinh ngày 16/11/2021 thì đến năm 2023 tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (cũ). Ông bà không có tài sản chung, nợ chung. Trong năm đầu chung sống hạnh phúc, sau khi đăng ký kết hôn được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi. Mặc dù, bản thân và gia đình đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể nên ly thân từ đó đến nay. Thấy rằng đời sống vợ chồng, hạnh phúc gia đình không còn, không thể tiếp tục duy trì nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Do cháu V hiện đang chung sống với bà nên bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng. Bà C có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông T: Vắng mặt trong quá trình giải quyết, không ghi nhận được lời khai.

Tại phiên tòa, Bà C vắng mặt nhưng có đơn xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, lời khai cùng chứng cứ, tài liệu kèm theo Tòa án xác định bà C với ông T tranh chấp ly hôn để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền nơi bị đơn cư trú quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định.

[2] Theo tinh thần của Luật Hôn nhân và gia đình, một trong những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, cùng nhau chung sống, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tin tưởng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Qua lời khai của bà C và sự im lặng không hợp tác của ông T trong quá trình giải quyết vụ án thấy rằng mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng như bà C trình bày là có. Mặc dù, Tòa án thực hiện thủ tục giao nhận văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông luôn vắng mặt, không có lời khai thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà C thể hiện ông bỏ mặc, không còn quan tâm, mong muốn hàn gắn hôn nhân nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xác nhận của Ban N, xã K, tỉnh Cà Mau ngày 24/6/2026 thể hiện bà C đang tạm trú cùng con gái tại địa chỉ ấp L, xã K, tỉnh Cà Mau. Bà C có nguyện vọng nuôi con và để ổn định môi trường sống, học tập của cháu Hội đồng xét xử cần thiết giao cháu V cho bà tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận bà không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con. Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình bà C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[4] Ghi nhận lời khai của bà C về việc ông bà không có tài sản, không có nợ. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp ông bà được quyền khởi kiện thành vụ án khác tại tòa án có thẩm quyền để được giải quyết theo quy định.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ hết vào tiền tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0010199 ngày 22/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, các Điều 277, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà Lê Huế C.

Về hôn nhân: Bà Lê Huế C ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Khánh V (Nữ), sinh ngày 16/11/2021 cho bà Lê Huế C nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản và nợ: Ghi nhận lời trình bày của bà C về việc ông bà không có tài sản, không có nợ. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp ông bà được quyền khởi kiện thành vụ án khác tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Huế C phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ hết vào tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0010199 ngày 22/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà không phải nộp thêm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 3 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- P.THADS Khu vực 3 – Cần Thơ;
- UBND P. Hưng Phú, Tp. Cần Thơ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (TC: 12).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Mẫn